

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2021/DS-ST

Ngày: 15 - 12 - 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2021/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) S G T T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N Đ T D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 N K K N, phường 8, quận 3, thành phố H C M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P T B - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T - Chi nhánh K G. Địa chỉ: Số 279 - 281 - 283 - 285 đường T P, thành phố R G, tỉnh K G.

Người được ủy quyền lại: Ông L Đ T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 279 - 281 - 283 - 285 đường T P, thành phố R G, tỉnh K G (Giấy ủy quyền số 224/GUQ-CNKG ngày 14 tháng 10 năm 2020).

2. *Bị đơn*: Ông L M P, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 89 ấp N C, xã B T Đ, huyện G R, tỉnh K G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L Đ T trình bày:**

Ngày 08/8/2017, ông L M P có ký kết với Ngân hàng TMCP S G T T - Chi nhánh K G hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L M P đã thực hiện các giao dịch từ ngày 31/8/2017 đến ngày 28/02/2019 với tổng số tiền 22.300.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.689.000đ (trong đó dư nợ là 6.690.593đ và lãi phí là 8.998.407đ). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng, đến ngày 01/3/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông sang nợ quá hạn do ông đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng.

Tính đến ngày 14/10/2020, ông còn nợ Ngân hàng các khoản như sau:

- Nợ gốc 15.609.407đ;

- Lãi quá hạn 9.967.320đ;

Tổng cộng là 25.576.727đ.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và làm việc trực tiếp với ông về việc trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S G T T Tín yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L M P phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền vay còn nợ, tạm tính đến ngày 14/10/2020 cụ thể như sau: Nợ gốc 15.609.407đ, lãi quá hạn 9.967.320đ. Tổng cộng là 25.576.727đ. Đồng thời, ông phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày 14/10/2020 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

*** Bị đơn ông L M P:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; thủ tục tham gia phiên tòa) nhưng ông không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để được hướng dẫn giải quyết quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông L Đ T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L M P phải trả cho Ngân hàng TMCP S G T T các khoản tiền vay còn nợ, tạm tính đến ngày 15/12/2021 cụ thể như sau: Nợ gốc 15.609.407đ, lãi quá hạn 17.132.380đ. Tổng cộng là 32.741.787đ.

Đồng thời, ông P phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày 16/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông L M P vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông L M P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP S G T T khởi kiện yêu cầu ông P phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G R, tỉnh K G.

Bị đơn ông T M P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông không giao nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án để được hướng dẫn giải quyết quy định pháp luật. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Đại diện Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu ông P phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền vay còn nợ (gốc và lãi), tạm tính đến ngày 15/12/2021 là 32.741.787đ (Ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng). Đồng thời, ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày 16/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu của đại diện Ngân hàng TMCP S G T T thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên đã quy định rõ quyền, nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay, hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P còn nợ Ngân hàng tiền gốc 15.609.407đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng nhưng đến nay đã

quá hạn hợp đồng mà chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Theo bảng kê tính lãi của đại diện Ngân hàng kể từ ngày 31/8/2017 đến ngày 15/12/2021, ông P còn nợ Ngân hàng tiền lãi quá hạn 17.132.380đ là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, có đủ căn cứ để buộc ông P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 15/12/2021 như sau: Tiền vốn gốc 15.609.407đ, tiền lãi quá hạn 17.132.380đ. Tổng cộng là 32.741.787đ, tính tròn là 32.742.000đ (Ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Đồng thời, ông P còn phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng theo theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/12/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3]. Về án phí: Theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của đại diện Ngân hàng TMCP S G T T được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Hoàn trả cho đại diện Ngân hàng TMCP S G T T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005798 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh K G (do L A T nộp).

Ông N M P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch $5\% \times 32.742.000\text{đ} = 1.637.100\text{đ}$, tính tròn là 1.637.000đ (một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T.

Buộc ông N M P phải trả cho Ngân hàng TMCP S G T số tiền còn nợ, tạm tính đến ngày 15/12/2021 như sau: Tiền vốn gốc 15.609.407đ, tiền lãi quá hạn 17.132.380đ. Tổng cộng 32.741.787đ, tính tròn là 32.742.000đ (ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Đồng thời, ông N M P còn phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng theo theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/12/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Hoàn trả cho đại diện Ngân hàng TMCP S G T T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005798 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh K G.

Ông N M P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch $5\% \times 32.742.000\text{đ} = 1.637.100\text{đ}$, tính tròn là 1.637.000đ (một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đại diện Ngân hàng TMCP S G T T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 15/12/2021. Báo cho ông L M P được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K G;
- VKSND tỉnh K G;
- VKSND huyện G R;
- Chi cục THA DS huyện G R;
- Các đương sự;
- Lưu.

L V H C